

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/DS-PT

Ngày: 21 - 02 - 2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia tài sản thừa kế là nhà ở, quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em

Ông Lê Thanh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 21 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia tài sản thừa kế là nhà ở, quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 83/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 382/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961;

Địa chỉ: số 1/19, phường 4, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959;
(có mặt)

Địa chỉ: số 215/8A, ấp M, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 30/11/2015)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1967; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 1/19, phường 4, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1967; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1952;

Địa chỉ: số 21/30, Quốc lộ 1A, phường 4, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1950;

Địa chỉ: số 7/214, phường 5, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1954;

4. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: số 1/19B, phường 4, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh 1964;

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà Nguyễn Mộng T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1969;

Địa chỉ: số 410, phường 4, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

8. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: số 1/19, phường 4, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông O, bà H1, bà H2, ông T, bà L, bà T, chị H3, chị L: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1991; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 129B, đường A, phường 3, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2015)

9. Ông Trần Văn L, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

10. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 2, đường L, Phường T, Quận B, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – CT. Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng T, sinh năm 1979 – Giám đốc chi nhánh khu công nghiệp M, Tiền Giang. (có mặt)

Địa chỉ: Số 71, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

11. Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 30/4 khu phố 2, phường 1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà Hạnh là bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Phần đất vườn và nhà ở, đất ở tại số 1/19 phường 4, thị xã C, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn T (chết ngày 06/02/1995) và bà Hồ Thị T (chết ngày 07/02/1999). Phần đất có diện tích đất chung là 589,7m², trong đó đất vườn là 389,5m² và đất ở là 200,2m², trên đất có căn nhà bán kiên cố 100,86m². Phần diện tích đất ở và nhà ở 200,2m² bà T được cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 21/02/1997 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp.

Ông T và bà T có tất cả 09 người con gồm: Nguyễn Văn O, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q (ông Q chết năm 2013; vợ là Nguyễn Thị H2, con là Nguyễn Minh Trí), Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Mộng T, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị H1. Ông T, bà T chết không để lại di chúc nên ngày 25/9/2000, tất cả 09 anh chị em trong gia đình họp lại chia di sản thừa kế là căn nhà ở và đất ở cho ông Nguyễn Xuân Tr và bà Huỳnh Thị Thu T là vợ ông Tr nên ông Tr và bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2006, ông Nguyễn Xuân Tr đăng ký cấp giấy chứng nhận đứng tên quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nên ông Trường được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5204010101 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 18/02/2002.

Năm 2006, được sự đồng ý của anh, chị em trong gia đình nên ông Tr chuyển nhượng cho ông Trần Văn L 250,8m², trong đó đất vườn là 141,9m², đất ở là 108,9m² nên diện tích còn lại là 255,8m².

Năm 2006, ông Tr đã đăng ký cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất vườn gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE.744008 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 28/7/2006, diện tích 91,3m² đất ở.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 471663 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/5/2006, diện tích 389,5m² đất trồng cây lâu năm và ngày 17/5/2006 đã chuyển cho ông Trần Văn L một phần nên còn lại 247,6m².

Việc cấp giấy chứng nhận 02 phần đất trên bà H không có phản đối gì.

Ngày 13/02/2007, ông Nguyễn Xuân Tr làm thủ tục nhập 02 thửa đất trên thành thửa 134, tờ bản đồ số 48 và tiến hành đo đạc thực tế diện tích còn lại là 255,8m², trong đó đất vườn là 164,5m², đất ở là 91,3m² và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH.685319 ngày 13/02/2007. Việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, anh, chị em trong gia đình không phản đối và không có khiếu nại gì. Khi nào bán đất thì phải có ý kiến của các anh em trong gia đình.

Đối với phần nhà, sau khi bán một phần đất cho ông L, anh em trong gia đình cất lại căn nhà hiện nay ngang 4,7m, dài 43m. Căn nhà này do bà H quản lý và phần tiền còn lại ông Tr xây 01 căn nhà ở huyện G.

Đất ở và nhà ở nêu trên, ngoài phần chia cho Tr thì phần đất vườn là di sản thừa kế chưa chia nên giao cho Tr quản lý, đứng tên quyền sử dụng đất còn phần đất ở, nhà ở và đất vườn do bà H là người quản lý sử dụng.

Ngày 30/9/2015, ông Tr đã dùng quyền sử dụng đất đem thế chấp bảo đảm khoản vay cho ông Trần Văn L tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp M.

Nay bà H yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH.685319 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/02/2007 cho ông Nguyễn Xuân Tr diện tích 255,8m².

- Hủy hợp đồng thế chấp tài sản số 010-201358A/HĐBL ngày 22/11/2013 mà ông Nguyễn Xuân Tr đã ký với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp M.

- Chia tài sản là di sản thừa kế là nhà ở và quyền sử dụng đất nêu trên thành 09 kỷ phần, mỗi kỷ phần trị giá 166.666.666 đồng. Bà H xin nhận toàn bộ tài sản và hoàn lại giá trị cho 08 người khác.

Trước đây bà có yêu cầu khởi kiện bổ sung hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Nguyễn Xuân Tr gồm: Giấy số AE.744.008 cấp ngày 28/7/2006 và giấy số AD9471663 cấp ngày 17/5/2006. Nhưng hai giấy này đã bị thu hồi nên bà không còn yêu cầu nữa.

- Bị đơn ông Nguyễn Xuân Tr và bà Huỳnh Thị Thu T trình bày:

Ông bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà H, đồng ý theo yêu cầu của bà H là: Hủy hợp đồng thế chấp tài sản số 010-201358A/HĐBL ngày 22/11/2013 mà ông Nguyễn Xuân Tr đã ký với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp M; Chia di sản thành 09

phần, mỗi phần trị giá 166.666.666 đồng và đồng ý giao phần được chia cho bà H quản lý và thờ cúng ông bà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp M, anh Trần Hoàng T là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Đây là tài sản riêng của ông Nguyễn Xuân Tr nên việc ông Tr ký hợp đồng thế chấp tài sản số 010-201358A/HĐBL ngày 22/11/2013 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp M là đúng theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên và chia tài sản chung là không đúng nên Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu đó.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L trình bày:*

Ông có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Xuân Tr và ông Tr có thế chấp tài sản bảo đảm cho ông một khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp M. Ông không có ý kiến gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn O, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Minh Trí, Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Mộng T, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị Ngọc L đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*

Các đương sự yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nêu trên thành 09 kỹ phần, mỗi kỹ phần trị giá 166.666.666 đồng và đồng ý giao bà H quản lý, thờ cúng ông bà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã C có đơn xin giải quyết vắng mặt, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.*

Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C quyết định căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, Điều 119, Điều 166, Điều 317, Điều 318, Điều 609, Điều 620, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 656 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH.685319 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/02/2007 cho ông Nguyễn Xuân Tr diện tích 255,8m²; Hủy hợp đồng thế chấp tài sản số 010-201358A/HĐBL ngày 22/11/2013 mà ông Nguyễn

Xuân Tr đã ký với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp M; Chia tài sản di sản thừa kế là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất nêu trên thành 09 phần, mỗi phần trị giá 166.666.666 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn O, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Minh T, Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Thị Mộng T, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị H3 về việc: Yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH.685319 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/02/2007 cho ông Nguyễn Xuân Tr diện tích 255,8m² thành 09 kỹ phần, mỗi kỹ phần trị giá 166.666.666 đồng.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 01/11/2018, nguyên đơn Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị C đại diện cho bà Nguyễn Thị H yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 685319 do UBND huyện C cấp ngày 13/02/2007 ông Nguyễn Xuân Tr diện tích 255,8m²; hủy hợp đồng thế chấp tài sản số 010-201358 A/HĐBL ngày 22/11/2013 mà ông Tr đã ký kết với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh khu công nghiệp M; chia tài sản là di sản thừa kế là nhà ở và quyền sử dụng đất nêu trên thành 09 phần, mỗi kỹ phần trị giá 166.666.666 đồng, bà H xin nhận toàn bộ tài sản và hoàn lại giá trị cho 08 người khác.

Ông Trần Hoàng T đại diện cho ngân hàng không thống nhất yêu cầu kháng cáo của bà H.

Ông Trần Văn L yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông Tr với ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng:

- Từ khi thụ lý thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng Bộ Luật tố tụng dân sự qui định.

- Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của bà H là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án số 83/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C. Đại diện theo ủy quyền của bà H1, ông O, bà H2, ông T, bà L, bà T, bà H3, bà L là bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt.

- Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và chia tài sản thừa kế là nhà ở và quyền sử dụng đất là tranh chấp về hợp đồng dân sự, tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: cụ ông Nguyễn Văn T (chết ngày 06/02/1995), và cụ bà Hồ Thị T (chết ngày 07/02/1999), có để lại phần đất diện tích 589,7m², trong đó đất vườn là 389,5 m², đất ở là 200,2 m² trên phần đất có căn nhà bán kiên cố 100,86 m². Phần diện tích đất ở và nhà ở 200,2 m² cụ T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 21/02/1997 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp. Cụ T và cụ T có tất cả 09 người con gồm: ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Q (ông Q chết năm 2013 có vợ Nguyễn Thị H2, con Nguyễn Minh T), ông Nguyễn Xuân Tr, bà Nguyễn Mộng T, bà Nguyễn Thị H1, ông T, bà Ty chết không để lại di chúc, ngày 25/09/2000 hợp gia đình thống nhất làm theo lời trăng trối của cụ T để lại cho Ông Nguyễn Xuân Tr phần tài sản của cụ T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5204010101 ngày 21/02/1997, ông Tr tiến hành đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở các năm 2002, 2006, 2007 là phần tài sản của cụ T để lại, bà H và các anh chị em cũng đều biết không có khiếu nại, xem như toàn bộ tài sản là của ông Tr, ông Tr sang nhượng cho ông L diện tích 250,8m² trong đó đất vườn là 141,9m², đất ở là 108,9m² nên diện tích còn lại là 255,8m² năm 2013 ông Tr ký hợp đồng thế chấp tài sản trên với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh khu công nghiệp M để đảm bảo khoản vay cho ông Trần Văn L.

Tại phiên tòa bà C trình bày rằng khi được cấp giấy chứng nhận phần đất vườn các anh em có thỏa thuận khi nào chuyển nhượng, thế chấp phải có sự đồng ý của các anh em, nhưng các đương sự không có chứng cứ chứng minh, giấy đất cấp cho ông Tr cũng không thể hiện điều kiện gì. Bà C đại diện cho nguyên đơn cho rằng khi anh Tr thế chấp cho ngân hàng các anh em không biết nên việc thế chấp này là không đúng vì phần đất vườn là tài sản chung của các đồng thừa kế, hơn nữa khi thế chấp tài sản bà L (chị của ông Tr là người có yêu

cầu độc lập chia tài sản) là vợ ông L có biết nhưng không phản đối. Từ những phân tích trên xác định, tài sản đang tranh chấp không phải là tài sản của các đồng thừa kế chưa chia mà là tài sản của ông Tr, bà T, do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, bà L, bà H1, bà L, giữ nguyên bản án số 83/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án Nhân dân thị xã C.

Quan điểm và đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà H, bà H1, bà L, bà L không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, 5 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015.

Căn cứ các Điều 117, 119, 166, 317, Điều 318, 609, 620, 649, 650, 652, 656 BLDS năm 2015.

Căn cứ NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án số 83/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 685319 do UBND huyện C cấp ngày 13/02/2007 cho ông Nguyễn Xuân Tr diện tích 255,8m². Hủy hợp đồng thế chấp tài sản số 010-201358A/HĐBL ngày 22/11/2013 mà ông Nguyễn Xuân Tr đã ký với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu công nghiệp M. Chia tài sản di sản thừa kế là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất nêu trên thành 09 phần, mỗi phần trị giá 166.666.666 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Minh T, Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Thị Mộng T, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị H3 về việc: yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 685319 do UBND huyện C cấp ngày 13/02/2007 cho ông Nguyễn Xuân Tr diện tích 255,8m² thành 09 kỷ phần, mỗi kỷ phần trị giá 166.666.666 đồng.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 900.000 đồng án DS-ST, bà H đã nộp số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 02200 ngày 05/01/2016 và số 0001181 ngày 13/11/2017 nên bà H được hoàn lại số tiền 3.766.000 đồng.

- Bà H, bà L, bà H1, bà L mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí DS-PT, bà H, bà H1, bà L, bà L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001885, 0001884, 0001883, 0001882 ngày 01/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, nên được khấu trừ.

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí DS-ST, bà L đã nộp 4.167.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000405 ngày 20/02/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, nên được hoàn lại 3.867.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí DS-ST, bà H1 đã nộp 4.167.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000404 ngày 20/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, nên được hoàn lại 3.867.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H2 phải chịu 300.000 đồng án phí DS-ST, bà H2 đã nộp 4.167.000 đồng tạm ứng theo biên lai thu số 0000402 ngày 29/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, nên được hoàn lại 3.867.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí DS-ST, bà T đã nộp 4.167.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000401 ngày 20/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, nên được hoàn lại 2.867.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí DS-ST, bà L đã nộp 4.167.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0000499 ngày 20/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, nên được hoàn lại 3.867.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn O phải chịu 300.000 đồng án phí DS-ST, ông O đã nộp 4.167.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000500 ngày 20/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, nên được hoàn lại 3.867.000 đồng.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 10 phút ngày 21 tháng 02 năm 2019, có mặt bà C, ông L, ông T./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TX C;
- CC THADS TX C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sâm Hương